

TỪ VĂN HÓA BẢN ĐỊA ĐẾN CẢM THỨC SINH THÁI (KHẢO SÁT QUA TÁC PHẨM CỦA HÀ THỊ CẨM ANH)

Hỏa Diệu Thúy¹, Cao Thị Mai²

TÓM TẮT

Người Mường là cộng đồng dân tộc thiểu số cư trú lâu đời ở Việt Nam xây dựng được những phong tục mang giá trị văn hóa bản địa đặc sắc. Một trong những giá trị ấy là tín ngưỡng coi trọng và thờ cúng thiên nhiên. Tín ngưỡng ấy chính là nền tảng của tinh thần sinh thái mà khoa học hiện đại đã phát hiện và khẳng định. Giá trị văn hóa này đã nuôi dưỡng tâm hồn, tính cách những đứa trẻ nơi đây.

Nghiên cứu trường hợp Hà Thị Cẩm Anh, nhà văn dân tộc Mường, chúng tôi đã phân tích, lý giải nền tảng văn hóa bản địa tạo nên cảm thức sinh thái trong tác phẩm của tác giả như thế nào.

Từ khóa: Văn hóa bản địa, sinh thái, văn học, Hà Thị Cẩm Anh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sinh thái hay sinh thái học (Ecological) chỉ môi trường sống tự nhiên, sinh thái có mối liên hệ chặt chẽ với văn hóa bản địa bởi “văn hóa bản địa” là những giá trị văn hóa được cộng đồng tộc người đúc kết tại chính nơi mình sinh sống. Văn hóa bản địa được kiến tạo và chịu tác động, ảnh hưởng bởi không gian địa lý, lãnh thổ, môi trường sống, là cơ sở tạo nên bản sắc văn hóa riêng của cộng đồng dân tộc.

Người Mường là cộng đồng dân tộc thiểu số cư trú lâu đời ở Việt Nam, có số lượng dân số đông thứ ba và phạm vi cư trú phổ rộng chỉ sau dân tộc Kinh. Trong quá trình tồn tại và phát triển cộng đồng, người Mường đã xây dựng cho mình những tập tục, phong tục xứng đáng trở thành những giá trị văn hóa mang màu sắc bản địa đặc sắc. Một trong những giá trị văn hóa bản địa mà người Mường gìn giữ là tín ngưỡng thờ cúng thiên nhiên. Điều đặc biệt là, tín ngưỡng ấy đã giúp cho cộng đồng dân tộc thông minh này tồn tại bền vững và đóng góp cho thế giới văn minh những giá trị cần được bảo tồn.

Qua khảo sát tác phẩm của nhà văn người dân tộc Mường Hà Thị Cẩm Anh, bài viết sẽ làm sáng tỏ cảm thức sinh thái trong văn hóa bản địa và điều này đã in đậm trong tác phẩm của tác giả hiện đại như thế nào.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

Phê bình sinh thái (ecocriticism) còn gọi là “nghiên cứu xanh” với tư cách là một khuynh hướng phê bình văn hóa và văn học hiện đang nổi lên như một diễn ngôn phê bình liên ngành mang tinh thần đời sống xã hội đương đại. Phê bình sinh thái mang sứ mệnh nhìn nhận lại văn hóa nhân loại, thông qua nghiên cứu, đánh giá tác phẩm văn chương để đánh

¹ Khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức; Email: thuyhoadiou@gmail.com

² NCS K2 chuyên ngành Văn học Việt Nam, khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

thức trách nhiệm của con người trước nguy cơ sinh thái (sự xuống cấp của sinh thái tự nhiên và sự khủng hoảng của sinh thái tinh thần nhân văn). Phê bình sinh thái được coi là bước chuyển ngoặt mục, thích ứng với bối cảnh khủng hoảng môi trường toàn cầu. Tư tưởng của phê bình sinh thái là “khám phá thẩm mỹ sinh thái và biểu hiện nghệ thuật của nó trong tác phẩm” (Vương Nặc). Bài viết của chúng tôi theo tinh thần này, nhằm lý giải sức sống bền vững của tinh thần sinh thái của cộng đồng dân tộc gắn bó với tín ngưỡng tôn thờ tự nhiên.

2.1. Văn hóa thờ cúng thiên nhiên đậm cảm thức sinh thái của người Mường

Tín ngưỡng thờ cúng thiên nhiên dường như đã trở thành lệ tục không thể thiếu với mọi dân tộc trên thế giới. Song, tín ngưỡng ấy đặc biệt quan trọng và bền chặt với các dân tộc thiểu số có môi trường sống gắn bó và lệ thuộc vào thiên nhiên. Thờ cúng thiên nhiên bộc lộ thái độ tôn trọng và bảo vệ thiên nhiên, cũng là bảo vệ môi trường sống của mình. Cũng như một số cộng đồng dân tộc thiểu số khác, nguồn sống nương tựa vào mẹ thiên nhiên, người Mường đã hình thành trong cuộc sống của mình những tập tục vừa khai thác vừa bảo vệ thiên nhiên rất nghiêm ngặt.

Người Mường gắn bó với rừng, rừng là nhà - nơi che chở, rừng còn là nguồn sống (với cách thức săn bắt và hái lượm). Rừng “cung ứng” mọi thứ cho người dân: thịt, rau, củ quả, thuốc chữa bệnh, vật liệu làm nhà, làm đồ gia dụng, thậm chí cung cấp cả phân bón cho hoa màu, vì vậy, người Mường không chỉ yêu quý mà còn kính ngưỡng rừng. Người Mường có tập tục không dùng sản phẩm săn bắn để trao đổi, buôn bán mà chỉ dùng cho bữa ăn gia đình, hoặc chia cho hàng xóm. Nếu đi săn đơn lẻ, họ chỉ săn thú nhỏ, như: gà, chim, dúi, chuột cho bữa ăn. Trong ống nỏ của họ không để quá mười mũi tên, không đào hố săn, chỉ làm bẫy săn thú nhỏ và săn được một con chim hoặc thú nhỏ là quay về. Thỉnh thoảng, được Thổ Lang cho phép, họ tổ chức săn thú lớn, sau khi săn được thú, bao giờ cũng có thú tục sau buổi săn. Những người đi săn đặt con thú săn được lên bàn, hoặc chiếu cùng các vũ khí đã săn nó. Tiếng công nổi lên, thầy mo đọc những bài cúng cầu khẩn các vị thần linh. Nghi lễ diễn ra trong không khí thành kính. Tục cầu khẩn thần linh làm sau khi cuộc đi săn chứ không làm trước, vừa như lễ tạ vừa là cách bạch hóa trước thần linh sản phẩm đã “xin” của Rừng. Đồ cúng lễ thể hiện sự tôn kính đối với thần và tôn kính đối với cả con vật. “Dâng cúng lên vị thần bảo vệ con vật hoặc các vị thần linh trong rừng, là xóa bỏ điều vô lễ đối với thần do việc giết chết con vật; và đồng thời, đối với thần linh, cũng là cách của người thợ săn xin lỗi vì đã vi phạm thiếu sót giết chết con vật thuộc phạm vi sở hữu của thần” [6; tr.226]. Mỗi Mường có thể có những bài cúng khác nhau, tuy cách diễn đạt có thể khác, nhưng đều có chung mục đích “xin phép” thần linh (Thần Rừng) được khai thác, sử dụng một phần nhỏ những sản vật thuộc sự cai quản của thần, xin thần bảo hộ, tha thứ. Ý thức “biết sợ”, tôn trọng tín ngưỡng thần linh đã giúp cho người Mường giữ rừng, bảo vệ rừng, bảo tồn môi trường sống cũng là môi trường sinh thái ổn định, bền vững.

Không chỉ dựa vào rừng, người Mường còn dựa vào sông, suối. Nước cung cấp cho sinh hoạt, cho việc trồng cây, sông suối còn cung cấp nguồn thực phẩm cá, tôm. Vì vậy, người Mường rất có ý thức bảo vệ nguồn nước, không làm nhà trên đỉnh núi nơi đầu nguồn nước mà làm dưới lòng thung, có khoảng cách với nguồn. Việc đánh bắt cá cũng không tùy tiện, nếu chỉ nhặt nhạnh con tôm, con ốc thì không sao nhưng nếu đánh bắt cá ở những dòng

sông/suối lớn thì phải được thực hiện theo nghi lễ. Những buổi đánh cá này chỉ cho phép được tổ chức trong một tháng hoặc vài tháng mỗi năm, thường sau vụ gặt, thời gian công việc ruộng đồng đã vãn. Sau buổi đánh bắt, cũng có lễ tạ Thần Sông, mọi người ăn một bữa cơm chung, cá được chia cho những người tham gia, ai bắt được nhiều thì bỏ ra một phần cho Thổ Lang và góp vào bữa ăn chung. Việc đánh bắt cá được quản lý chặt, không tùy tiện, không tận diệt đã tạo nên ý thức bảo vệ nguồn sống cho cộng đồng.

Người Mường cũng chăn nuôi gia súc để phục vụ trong những dịp lễ tiết, cúng tế, nhưng số lượng rất ít và chủ yếu là chăn thả tự nhiên. Tuy nhiên, người Mường chỉ giết gia súc trong những dịp long trọng, hoặc có “nguồn gốc tôn giáo”. Ngày nay, người Mường đã chăn nuôi gia súc với số lượng lớn hơn, ngoài việc để cung cấp thực phẩm trong gia đình còn để đem trao đổi, mua bán các vật dụng cần thiết. Song, tập quán chăn nuôi chỉ ở phạm vi gia đình và chăn thả tự nhiên thì vẫn giữ.

Tập tục nghi lễ ruộng đồng cũng được người Mường rất coi trọng. Mỗi năm, người Mường thường tổ chức ít nhất hai nghi lễ: nghi lễ xuống đồng vào vụ cày cấy và nghi lễ vào vụ gặt. Ở một số vùng còn có nghi lễ cấy luống đầu tiên vào mùng 5 tết. “Lễ cày bừa” (*Le khang pa nóp the*), chuẩn bị cho vụ mùa mới là nghi lễ được tổ chức ở tất cả các mường. Ngày cúng, dân làng đến nhà Thổ Tào bày đồ cúng gồm toàn đồ chay, như: gạo, hoa quả, tuyệt đối không cúng thịt và cá. Trong bài cúng, các vị thần cai quản đồng ruộng được xưng lên: *Chúa Kól Kwa/ Chủ nhân của ao chuôm và chủ nhân của đồng ruộng...* và bày tỏ nguyện vọng: *Các vị đến ăn cơm cửa sổ/ và uống rượu ở trong nhà/ theo nghi lễ tháng, năm/ để cho lúa thật tốt/ cho hạt gạo rắn chắc/ cho nước đi vào ruộng/ cho cá đi vào hồ và mương...* [5; tr.774-775].

Như vậy, tín ngưỡng thờ cúng thiên nhiên đã trở thành giá trị văn hóa của người Mường. Trí tuệ của người Mường cổ đã hình thành cho con cháu mình niềm kính ngưỡng trước thiên nhiên, đây là cách thức tốt nhất để bảo vệ nòi giống, cộng đồng. Tín ngưỡng ấy có cơ sở từ lòng biết ơn “Mẹ - Thiên nhiên” đã nuôi sống và chở che. Đó cũng là nguyên nhân khiến người Mường hình thành nên những tập tục trong nếp sống, sinh hoạt gìn giữ môi trường sống và đây chính là tư tưởng cốt lõi của “ý thức sinh thái” mà những cây bút Mường hiện đại đã lưu giữ trong tác phẩm của mình.

2.2. Cảm thức sinh thái trong tác phẩm của Hà Thị Cẩm Anh

Là người con chính gốc đất “Mường trong”, từ trong “bọc váy của bà”, Hà Thị Cẩm Anh đã được nghe xường, nghe mo, nghe *Đẻ đất đẻ nước*, không gian văn hóa thấm đẫm tinh thần sinh thái đã ngấm vào tâm hồn, huyết quản, thêm nữa, bản Chòm Mỏ nơi tác giả sinh ra lọt giữa thung lũng Ba Mường, núi quây bốn mặt, rừng già bao quanh, dễ hiểu tại sao, tác giả đã tái hiện cả một thế giới sinh thái tự nhiên trong tác phẩm bằng ngôn ngữ nghệ thuật ẩn tượng.

2.2.1. Môi trường thiên nhiên quê nhà luôn hiện diện đầy cảm xúc trong tác phẩm

Có lẽ do môi trường sống trong không gian địa lý “khép kín” đồng hành cùng với thiên nhiên, ở giữa thiên nhiên nên cộng đồng các dân tộc ít người gắn với núi rừng luôn lưu giữ nét văn hóa bản địa yêu quý và coi trọng thiên nhiên. Không gian thiên nhiên quê nhà luôn thường trực trong tư duy và cảm xúc của các tác giả. Với cây bút Hà Thị Cẩm Anh cũng vậy, trong

tác phẩm của nhà văn dân tộc Mường này, thiên nhiên có vị trí rất đặc biệt, không chỉ là đối tượng cảm xúc, mà còn là “người bạn” tâm giao, tâm tình những khi vui buồn. Thăm sâu trong nhận thức, thiên nhiên dường như làm nên máu thịt, tâm hồn tác giả. Vì vậy, tác giả viết về thiên nhiên quê nhà với tất cả niềm yêu thương và tự hào, biết ơn và hạnh phúc.

Thung lũng Ba Mường dưới ngòi bút của Hà Thị Cẩm Anh là cả một thế giới hiền hòa, thơ mộng, “là xứ sở kỳ lạ của những ngọn núi chứa đựng biết bao điều kỳ thú. Mỗi ngọn núi đều có một vẻ đẹp riêng, vừa hùng vĩ, vừa bí ẩn” (*Nước mắt đỏ*). Nơi ấy có rừng Chuông Cò ngàn tuổi thâm u, rặng Pù Khén cổ kính với những gốc gội xù xì mà chỉ cần một khoảng trống dưới gốc cũng đủ cho những gia đình nhà Voọc tìm đến trú ngụ (*Gốc gội xù xì*). Nơi ấy khi mùa xuân đến “Mùa của những đám hội Ném còn ở thung lũng Si Dồ. Những trận mưa rì rả suốt mùa Đông đã tạnh. Hoa Út lốt đã nở đỏ rực cả hai bên bờ của con suối Ly Lai. Những con chim cheo pheo có bộ lông vàng óng ả cứ nhả nha điệu đà như những ả nàng nhỏ xíu trong các thiên truyện cổ tích có hậu của người già, chuyềnh hết cảnh này đến cảnh khác của cây mận đã có hoa trắng xóa” (*Quả còn*). Cạnh những con suối quanh năm róc rách, có những bãi cỏ bằng phẳng, mùa xuân về hoa li bi nở, những hôm trời nắng từng đàn bướm kéo đến đông tới hàng ngàn con. Nơi ấy, “những cánh đồng bậc thang” mùa về như những dải lụa vàng quấn quýt những triền núi, triền đồi, những “con đường đất đỏ chên vênh” len lỏi huyền hoặc giữa “những ngọn núi cao lừng lững nối nhau tạo thành vòng cung xanh thắm” (*Nước mắt của đá*). Những khu rừng vừa giống thế giới cổ tích, vừa là tri kỷ với những cô gái mỗi khi có chuyện buồn lại vào rừng, tìm đến những người bạn để sẻ chia. Cô gái trong *Gốc gội xù xì* tủi thân vì gương mặt xấu xí của mình tìm đến gốc cội xù xì ẩn nấp “chạy trốn loài người”. Cô gái trong truyện ngắn *Quả còn* nạn nhân của những hủ tục mê tín, hàng chục năm trời cô bị xa lánh, xua đuổi (vì nghĩ cô là ma ếm), cô chỉ còn biết làm bạn với những loài hoa dại, với những con vật đáng yêu: “Chị muốn đến khu rừng quen thuộc mà mỗi bận trong lòng trống trải không yên chị vẫn tìm đến. Chị đã nhìn thấy những chùm quả ô môi chín. Một con gà trống choai có túm lông đuôi đen nhánh giương đôi cánh cùn cùn lên, vỗ phành phạch rồi le te học gáy. Những con chim nhỏ vừa ăn quả chín vừa lanh chanh kể cho nhau nghe một chuyện gì đó rất vui vẻ...” (*Quả còn*). Mỗi lần vào rừng chị mới cảm thấy “minh thật sự đang được sống, đang tồn tại trên cõi đời này. Chị không thấy mình lẻ loi cô đơn. Chị có bạn bè, có cỏ cây hoa lá cho riêng mình. Lũ bướm dập dờn và nghịch nghợm, thấy chị đến, hình như chúng cũng vui hơn. Chúng bay lên, bay xuống biểu diễn những trò nhào lộn, khéo léo nhất của loài bướm rồi tranh nhau đậu lên tóc...” (*Quả còn*). Có thể cảm nhận thấy niềm tự hào, tình yêu quê hương của tác giả, trong tình yêu ấy, luôn gói sẵn niềm biết ơn mẹ tạo hóa thiên nhiên: “Đất của bãi sông làng mình có hương vị rất riêng: thơm. Mùi thơm ngọt và ấm như mùi phấn da trên cơ thể của người thiếu nữ Mường Dồ”. Mùa thu về cả một bờ bãi rực rỡ sắc vàng của hoa cải. Thứ cải trồng trên bờ bãi này cho thứ dưa muối giòn thơm đậm đà, ăn một lần nhớ mãi (*Hoa cải vàng*). Vào cỡ tháng Mười, “nằm trên cửa vóng của ngôi nhà sàn lộng gió, mùi thơm của hoa ngô thoang thoang đưa về cho ta cảm giác ấm áp như lửa, nồng nàn như phu thê, sâu nặng như tình mẫu tử và chặt chẽ như nghĩa xóm tình làng” (*Đối thoại với sự bất tử*). Ở đây có những ngôi làng xinh đẹp “suốt ngày, suốt tháng, suốt năm cứ lơ thơ khói, cứ bảng lảng mây, cứ thấp thoáng bóng áo khóm của các ả nàng xinh đẹp” (*Nước mắt đỏ*). Những câu văn tha thiết và đẹp lộng lẫy như những đường hoa văn trên yếm váy của thiếu nữ Mường Dồ!

2.2.2. Thiên nhiên hòa nhập vào tâm hồn, nếp sống, nếp nghĩ của người dân

Nhà văn phải là người “trong cuộc”, tức dân bản địa gốc mới cảm nhận và biểu đạt được điều này. Hà Thị Cẩm Anh cho người đọc cảm nhận tính chân thực của mối quan hệ bình đẳng, máu thịt giữa con người và thiên nhiên nơi đây. Sự tham dự, chi phối của thiên nhiên vào cuộc sống con người bao đời tạo nên nếp nghĩ, nếp ứng xử rất hồn nhiên và nồng ấm giữa con người với thiên nhiên. Người ta hỏi thăm nhau xem đứa trẻ vừa sinh là “con đực hay con cái”. Khi kết “du gia” với nhau phải có “ma rừng, ma núi, ma thác nước trắng” chứng giám. Người mừng gọi phụ nữ là “ả mái”, đàn ông khi tức giận thì gọi là “ả mái già”. Thiên nhiên là thước đo, là điểm tựa cho mọi đánh giá, lựa chọn: “Người Mừng Bi đến ăn cỗ cưới đông như bướm bướm tháng ba, nhiều như kiến kền, kiến càng tháng tám. Rượu chảy vào miệng khách như nước khe, nước suối. Thịt và xôi đắp cao như núi, như gò” (*Quả còn*). Những câu chửi, cả những hành động trả thù cũng luôn có thiên nhiên đồng hành: “Lũ Mừng Vang này đáng chết trăm lần! Chúng nó đáng thui sống hết trên đồng lửa, đồng than thui chó, thui dê. Nếu đem từng đứa, từng đứa ném vào đám lửa đốt cháy Mừng Vang kia cũng chưa nguôi hết giận! Những thằng Mừng Vang bỏ nhân vào bánh chưng để chệ bai một đứa trẻ gái mới đẻ không còn trong trắng nữa thì có khác gì chúng nó đem cứt hắt vào mặt người già Mừng Bi? ”; “Con giận của người Mừng Bi đã bùng lên cao như lửa, đã sôi sùng sục như thác Ngốc Cùng sông Mã vào mùa nước lũ” (*Quả còn*). Quy luật của thiên nhiên được khám phá rồi vận dụng thành quy luật ứng xử của cộng đồng, từ đó tạo nên phong tục tập quán: cưới xin, ma chay, cúng vía, làm ruộng, săn bắn, kết giao... “Ra mặt rẻ lúc thả trâu, đón dâu về lúc chập tối” là tục chọn giờ trong cưới xin. Lúc “thả trâu” là lúc bình minh lên, bắt đầu một ngày mới, quy ước chàng rẻ ra mặt lúc bình minh đồng nghĩa đàn ông với ánh sáng - nguồn năng lượng hành động, nguồn năng lượng ấy đến nhà như đem lại sức mạnh, sự khỏe khoắn, khởi động một hành trình mới cho gia đình nhà gái. Trái lại, thời điểm đón dâu lại vào lúc “chập tối”, đó là khoảng thời gian khép lại của một ngày, mọi vận động thu vào, ngưng nghỉ. Đón dâu lúc ấy, đồng nghĩa với quan niệm, đàn bà là người giữ “tổ”, giữ nhà, chăm sóc thu vén gia đình, chăm lo con cái, là nơi để trở về. Dù quy luật tự nhiên để diễn đạt quy luật giới tính (nếu không nói là đồng nhất), người Mừng đã coi con người là một bộ phận của tự nhiên, cùng vận động theo quy luật tự nhiên. Hầu như truyện nào của Hà Thị Cẩm Anh cũng xuất hiện những phong tục tập quán và những phong tục tập quán này như được sinh ra từ thiên nhiên, được chất lọc từ những tinh túy của thiên nhiên. Trong truyện *Đêm khuya luống dành cho người chết*, tác giả đã phô diễn sự độc đáo của âm thanh khua luống - âm thanh của tiếng gĩa gạo chày đôi mà bà con trong mừng thường tổ chức trong lễ hội: “Tiếng chày của gã trai Mừng làng Chiềng Va có nhịp điệu của âm nhạc, có âm thanh của núi, của rừng, của sông suối, nương rẫy”. Trai gái mừng dùng tiếng khua luống để gửi gắm tâm sự kết đôi. Nhưng lần này bà con “mở hội khua luống” để “dành riêng cho người đã khuất” là người lính Cụ Hồ, người con của Chiềng Va mà bà con rất tự hào: “Trong tiếng nhạc khua luống nhịp nhàng khoan thai người Chiềng Va nghe thấy “tiếng ru của đất. Tiếng hát của rừng. Tiếng reo của nước, tiếng xường của mế, tiếng nói của cha. Vì thế, dù có đi đâu, về đâu? Dù có ở xa cả chín núi, mười mừng người làng Chiềng Va cũng không thể quên được tiếng chày gĩa gạo, tiếng nhạc khua luống làng mình” (*Đêm khuya luống dành cho người chết*).

Cuộc sống hòa lẫn với thiên nhiên, khiến giác quan và tâm hồn con người nơi đây rất tinh tế và mẫn cảm như tâm hồn nghệ sỹ. Dễ hiểu tại sao họ nghe và cảm nhận được hồn của đá: “Nếu người ta biết yêu quý những hòn đá đẹp thì chúng cũng có đủ ba hồn chín vía, cũng biết trò chuyện như người” (*Làng tôi có chú Đồ khờ*); Hiểu được tiếng chim trò chuyện; Sẵn sàng để cả một vườn trồng đào để mỗi khi tết đến “con gái, con trai Mừng Đồ đem công, chiêm đến treo trong vườn đào rồi hát xướng, hát đối đáp với con trai mừng khác thâu đêm, suốt sáng” (*Suối lạnh*). Những câu xướng giao duyên trong lễ hội đầu xuân: *Anh bắc bảy cây cầu đá/ Anh bắc tám cây cầu lim/ Anh đón em về bằng cầu xường đẹp/ “Thương thiệt thương nồng em ơi!/ Thương moi em à...”* (*Của hỏi môn*) đi theo tâm hồn những trai mừng, ả mừng suốt cuộc đời.

Có thể nói, Hà Thị Cẩm Anh đã viết về những giá trị văn hóa của quê hương mình bằng sự hiểu biết thấu đáo của một người con được nuôi dưỡng và trưởng thành từ chính những giá trị ấy. Những giá trị được đúc rút từ trong môi trường sống gắn bó, hòa quyện với thiên nhiên. Vì vậy, tác giả luôn viết về những giá trị ấy bằng niềm say mê và tự hào không che dấu: “Có nghe mo Mừng mới biết Mo Mừng hay lắm, càng nghe, càng muốn nghe thêm. Có nghe mới biết cội nguồn, người Mừng ta. Không nghe mo Mừng, không quen được mụ Giạ Dàn, không quen được Lang Cun Cần, không biết được cây Chu Đá, lá cây Chu Đồng là những cành, những nhánh của dân tộc Việt ta đâu” (*Áu Mây*).

2.2.3. Nỗi đau khi môi trường sống, môi trường sinh thái của quê nhà bị xâm hại

Nếp sống nơi vùng đất một thời trong trẻo, hồn nhiên, hoang dã kia đã và đang bị hủy diệt, vì nhiều lý do, vì những hiểu biết nông cạn cộng với đói nghèo, vì sự tham lam trước cám dỗ của kim tiền, của đời sống vật chất, người ta có thể phá cả một cánh rừng nguyên sinh để làm nông trường, phá bỏ ngôi làng cổ làm khu dân cư. Rừng bị triệt hạ, chim thú bị săn bắn cạn kiệt. Tác giả viết về thực trạng ấy bằng trái tim đau đớn: “...Một khi không còn gì để ngăn lũ, mùa lũ về, dòng chảy như ngựa phi của con sông sẽ bào mòn, sẽ rửa trôi hết lớp đất phù sa màu mỡ của cánh bãi làng tôi. Cả vùng đất đã từng có một ngôi làng trù phú sẽ trơ ra những bãi đá ngầm. Rừng Chư Lẹ có rất nhiều cộp beo, gấu ngựa và hươu nai đã được định đoạt. Con sông hùng vĩ và ngoan cường phía trước làng sẽ biến thành con suối cạn. Người ta sẽ đặt những máy hút cát dưới đáy sông lên, móc sỏi từ ruột nó ra. Bờ sông hoang sơ sẽ lở lói. Cánh bãi rộng, đất phù sa mịn và xốp sẽ bị thu hẹp lại. Đêm đêm tiếng nổ mìn đánh cá dưới sông vọng về làng. Con sông sẽ chết...” (*Nước mắt đỏ*). Thiên nhiên trở thành sinh thể trong nỗi đau của tác giả. Mượn lời một nhân vật trong tác phẩm, tác giả chỉ đích danh kẻ hủy diệt môi trường sinh thái chính là con người: “Tao thích khám phá thật, nhưng chỉ khám phá vẻ đẹp huyền bí của những ngọn núi. Những bí mật khác trong lòng nó thì cứ để cho chúng mãi mãi là bí mật. Đừng ai khám phá. Đừng ai đụng chạm đến! Con người mà ra tay thì chẳng bao lâu những ngọn núi sẽ biến mất. Chúng rất đẹp mà” (*Nước mắt đỏ*). Có thể nhận thấy, trái tim của tác giả thấp thỏm, quặn thắt mỗi lần chứng kiến những phong tục, tập quán đang dần mai một, những tập quán gắn với thiên nhiên khi thiên nhiên bị bức tử. Những truyện như: *Đêm khua luống dành cho người chết, Quả còn, Suối lạnh, Chuyện xưa, Giải vía, Nước mắt đỏ, Thằng Chinh ngốc...* ẩn chứa những thông điệp nhức nhối ấy.

Song, không dừng ở những khóc than, thương xót, lên án, những người con của mẹ Dạ Dàn đã hành động, thể hiện một loạt nhân vật không đang tâm để kẻ xấu phá hoại, những nhân vật như Vạn Cúc, thằng Sinh trong *Những đứa trẻ mồ côi*; nhân vật xung Chị trong *Giải vĩa*; Thằng Chinh trong *Thằng Chinh ngốc*,... là những con người đã lăn xả để giữ rừng, giữ môi trường sống. Trong truyện *Giải vĩa* là cô gái Mường Dò xung phong làm kiểm lâm để kiên quyết chặn đứng những kẻ “chuyên sống bằng nghề săn bắn thú hoang và khai thác trộm gỗ quý trong rừng”. Cô gái vì ngăn không cho chồng (vốn là tay sát thủ) hạ chú báo con lạc mẹ mà anh chồng trẻ, vào đúng đêm giao thừa hẳn đã gói ghém tất cả tiền, của hồi môn qua cưới bỏ đi, từ đấy, cô bị những đầu óc u mê lạc hậu vu cho là có “vĩa xấu” nên chồng bỏ. Cô bị ghét bỏ, xa lánh, bị đôn là có số cọp tha. Nhưng mặc, trái tim cô gái ấy yêu rừng, chị vẫn một mình vào rừng và thầm nghĩ: “Thú hoang trong rừng cũng thế. Cho dù là cọp, là beo là hươu là gấu hay chỉ là một con cun seo bé tẹo chúng cũng muốn sống và có quyền được sống. Rừng là của Mẹ đất hào phóng ban tặng để có sự sống bền vững và lâu dài trên trái đất cho con người và cho cả muôn loài muôn thú. Ngôi nhà là chốn dung thân của con người. Thú hoang đã có rừng xanh để sống” [2; tr.21-22]. Sau lần cứu hai con vọc đuôi trắng rồi bị những kẻ săn trộm đánh suýt chết, được kiểm lâm cứu thoát, chạy chữa, chị quyết định thành kiểm lâm viên. Nhiều lần phải đối mặt với những “con hổ người” là bọn lâm tặc, thú tặc, có chị bảo vệ, những cây con đã lớn lên, những con thú đã trở về, những con chim lạ đã xuất hiện trong khu rừng chị trông coi. Trong truyện *Đêm khuya luống dành cho người chết* là hình ảnh ông Linh, gã trai Mường tốt của Chiềng Va. Sau chiến tranh với nhiều vết thương trên cơ thể, Linh trở về mường vào thung Mây dựng lều làm nhà. Mười năm sau, ông đã tạo ra cả một cơ ngơi, ông ủng hộ tiền xây trường để “trẻ con làng Chiềng Va không còn phải học dưới gầm nhà sàn hôi rình mùi phân trâu”. Ông cuu mang, uốn nắn những thanh niên trót sa ngã, nghiện hút thành những gã trai mường tốt. Mong muốn “người làng Chiềng Va hết đói, hết nghèo, hết lang thang ở bãi đào vàng làng Kịt”, ông giúp bà con “đắp phai, đắp đập, ngăn suối làm ruộng bậc thang, thả dê trồng luống” để “không lên núi phá rừng làm rẫy, vào Chuông Cò lấy trộm gỗ quý bán cho bọn lâm tặc” [1; tr.76]. Nhưng, ông bị kẻ tham lam, ngu dốt hãm hại, ông bị kiện lên kiện xuống do nhận con nuôi không làm giấy tờ (thực tế khi ông nhận nuôi, chúng là những đứa trẻ hư bị chính gia đình vứt bỏ). Ông Linh đã phải chịu tiếng oan, thậm chí bị khai trừ đảng. Khi ông mất, làng Chiềng Va mới có dịp bày tỏ nỗi đau buồn, tiếc thương. Họ biến lễ hội khuya luống đầu năm thành lễ hội tiễn đưa người đã dâng hiến cả cuộc đời cho cộng đồng, được cả mường kính trọng.

Xa thung lũng Si Dò đã lâu, nhưng sáng tác của Hà Thị Cẩm Anh hầu như chỉ xoay quanh cái thung lũng nơi tác giả sinh ra và lớn lên. Kỳ lạ thay, chỉ một cái thung ba mường mà viết mãi, nói mãi không hết. Đây chính là sức sống của văn hóa, bản sắc văn hóa của cộng đồng người Mường được hình thành và nuôi dưỡng bằng môi trường sống tự nhiên nên luôn để lại tình cảm sâu nặng và sẽ đi theo người ta suốt đời.

3. KẾT LUẬN

Cộng đồng người Mường đã đóng góp cho văn hóa Việt Nam những giá trị tinh thần độc đáo, một trong những giá trị ấy là tín ngưỡng tôn trọng và thờ cúng thiên nhiên. Tín ngưỡng ấy xuất phát từ tình yêu, lòng biết ơn thiên nhiên - môi trường sinh thái đã che chở và nuôi dưỡng họ cả phần xác và phần hồn. Cảm thức sinh thái này đã giúp cho cộng đồng dân tộc ấy trở nên bền vững và văn minh khi sớm tìm ra cách ứng xử thông minh với môi trường.

Được tiếp nhận nguồn sinh dưỡng văn hóa thấm đẫm tinh thần sinh thái, nhà văn Hà Thị Cẩm Anh đã bộc lộ trong những trang viết của mình cảm thức sinh thái đậm nét. Thiên nhiên đã trở thành tư duy nghệ thuật, chi phối cảm xúc thẩm mỹ, đối tượng phản ánh và cách thức biểu đạt trong tác phẩm của tác giả. Qua trường hợp của Hà Thị Cẩm Anh, có thể nói rằng, các nhà văn gắn bó với thiên nhiên, họ đã có sẵn trực giác sinh thái.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hà Thị Cẩm Anh (2018), *Truyện ngắn chọn lọc*, quyển 1, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [2] Hà Thị Cẩm Anh (2018), *Truyện ngắn chọn lọc*, quyển 2, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [3] Hà Thị Cẩm Anh (2020), *Tuyển tập Văn học thiếu nhi (đề tài miền núi và dân tộc thiểu số)*, Nxb. Thanh Hóa, Thanh Hóa.
- [4] Charles Robequain (2012), *Tỉnh Thanh Hóa*, Người dịch: Nguyễn Xuân Dương, Lâm Phúc Giáp, Nxb. Thanh Hóa, Thanh Hóa.
- [5] Jeann Cuisinier (2011), *Người Mường*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
- [6] Hòa Diệu Thúy, *Văn học hiện đại Thanh Hóa* (2012), Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.

FROM LOCAL CULTURE TO ECO-FEELING (SURVEYING THROUGH THE WORKS BY HA THI CAM ANH)

Hoa Dieu Thuy, Cao Mai Anh

ABSTRACT

The Muong are a long-standing ethnic minority community in Vietnam that have built a custom with unique cultural values. One of those values is the belief that respects and worships nature. That belief is the foundation of the ecological spirit that modern science has discovered and confirmed. This cultural value has nurtured the soul and personality of the children here.

In a case study of Ha Thi Cam Anh's words, a writer of the Muong ethnic group, the article analyzes and explains how the indigenous cultural background has created an ecological sense in the author's work.

Keywords: *Local culture, ecology, literary, Ha Thi Cam Anh.*

* Ngày nộp bài: 17/1/2022; Ngày gửi phản biện: 15/3/2022; Ngày duyệt đăng: 12/4/2022